

ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

KHOA KINH TOÁN – KINH M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

KINH TOÁN NGUYÊN VẬT LIÊU, CÔNG CỤ ĐĂNG CẬP

TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NGUYỄN BẢO THẠ THIÊN HUẾ



ĐANG LUYỆN BỒNG C

Khóa học: 2016 – 2020

ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

KHOA KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIÊU, CÔNG CẤP DỤNG CỤ

TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NGUYỄN THẠ THIÊN HUỆ

Tên tác giả : Đặng Lưu Bảo Ngọc

Tên giáo viên hướng dẫn :

Lớp : K50D Kế toán

ThS. Phan Xuân Quang Minh

Niên khóa: 2016 - 2020

Huế, tháng 12 năm 2019

LỜI CẢM ƠN

Thời gian thực tập 3 tháng là một khoảng thời gian vô cùng hữu ích và cần thiết cho sinh viên có điều kiện tiếp xúc với môi trường làm việc thực tế. Đây là cơ hội giúp em có thể đúc kết và vận dụng những kiến thức đã được học vào thực tiễn, tìm hiểu về ngành nghề kế toán – công thức là kế toán vật tư tại công ty, từ đó trang bị cho mình những kiến thức thực tế và những kỹ năng hữu ích cho bản thân.

Để hoàn thành bài báo cáo này, em xin trân trọng cảm ơn Ban Giám hiệu nhà trường cùng toàn thể quý thầy cô giáo Trường Đại học Kinh tế Huế đã tận tình hướng dẫn, giảng dạy những kiến thức vô cùng quý báu cho em trong thời gian vừa qua. Em cảm ơn quý thầy cô giáo khoa Kế Toán – Kiểm Toán, đặc biệt là giảng viên Th.S Phan Xuân Quang Minh - người đã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ em trong suốt quá trình thực tập này, thầy đã đưa ra những lời khuyên quý giá giúp em định hướng rõ về những việc cần làm trong khoảng thời gian này và những điểm cần lưu ý khi thực hiện bài luận văn.

Trong suốt thời gian thực tập nghề nghiệp tại đơn vị, em xin chân thành gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban lãnh đạo cùng các anh chị trong Phòng Kế toán tại Công ty cổ phần đường bộ I Thừa Thiên Huế đã luôn quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ và hướng dẫn nhiệt tình, tận tâm giúp em có thể tìm hiểu về kế toán vật tư tại công ty.

Mặc dù đã cố gắng nỗ lực vì kiến thức của em vẫn còn hạn chế nên bài luận văn chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của quý Thầy Cô để giúp em và bài báo cáo này được hoàn thiện hơn.

Sau cùng, em kính chúc quý Thầy Cô trường Đại học Kinh tế Huế thật dồi dào sức khỏe, công ty cổ phần đường bộ I Thừa Thiên Huế sẽ gặt hái được nhiều thành công rực rỡ và ngày càng phát triển vững mạnh.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Đặng Lưu Bảo Ngọc

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Số thứ tự
ĐVT	Đơn vị tính
CTCP	Công ty Cổ phần
CCDC	Công cụ dùng cũ
Ktoán	Kế toán
HTK	Hàng tồn kho
TSDH	Tài sản dài hạn
TSNH	Tài sản ngắn hạn
N-X-T	Nhập - Xuất - Tồn
NL – VL	Nguyên liệu – Vật liệu
NK	Nhập khẩu
KQKD	Kết quả kinh doanh
NVL	Nguyên vật liệu
QLPX	Quản lý phân xưởng
BH	Bảo hiểm
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
GTGT	Giá trị gia tăng
TSCĐ	Tài sản cố định
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TK	Tài khoản
XDCB	Xây dựng công bản
GTVT	Giao thông vận tải

BGD	Ban Giám đốc
TC-HC	Tổ chức hành chính
KT-TV	Kế toán tài vụ
KH - KT-VT	Kỹ hoạch - Kỹ thuật - Vật tư thiết bị
QLGT	Quản lý giao thông
XN-TCCG	Xí nghiệp Thi công công nghiệp
XNQLXD	Xí nghiệp Quản lý và xây dựng
XNXDCT	Xí nghiệp Xây dựng công trình
VCSH	Văn chèo sân khấu
NPT	Nội phòng
BCTC	Báo cáo tài chính
TT	Thị trường
HT	Hệ thống
KH – KT	Khoa học Kỹ thuật

DANH MỤC BẢNG BIỂU

❖ Bảng

Bảng 2.1 - Tình hình lao động của công ty

Bảng 2.2 - Tình hình tài sản của công ty giai đoạn năm (2016-2018)

Bảng 2.3 - Tình hình và cơ cấu nguồn vốn của công ty giai đoạn năm (2016-2018)

Bảng 2.4 - Tình hình hoạt động kinh doanh của công ty giai đoạn năm (2016-2018)

❖ Biểu

Biểu mẫu 2.1 – Phiếu đề nghị mua vật tư

Biểu mẫu 2.2 – Hóa đơn giá trị gia tăng

Biểu mẫu 2.3 – Biên bản nhận hàng

Biểu mẫu 2.4 – Phiếu nhập kho

Biểu mẫu 2.5 – Thẻ kho

Biểu mẫu 2.6 – Sổ chi tiết vật tư

Biểu mẫu 2.7 – Phiếu đề nghị xuất vật tư

Biểu mẫu 2.8 – Phiếu xuất kho

Biểu mẫu 2.9 – Bảng tổng hợp nhập xuất tồn

Biểu mẫu 2.10 – Chương trình ghi sổ

Biểu mẫu 2.11 – Sổ đăng ký chương trình ghi sổ

Biểu mẫu 2.12 – Sổ cái

Biểu mẫu 2.13 – Phiếu đề nghị xuất vật tư, công cụ dụng cụ

Biểu mẫu 2.14 – Sổ chi tiết công cụ dụng cụ

Biểu mẫu 2.15 – Bảng tổng hợp nhập xuất công cụ dụng cụ

Biểu mẫu 2.16 – Bảng phân bổ công cụ dụng cụ

Biểu mẫu 2.17 – Biên bản kiểm kê vật tư tồn kho

TaiLieu.vn

Trình Kinh tế Hu

DANH MỤC SỔ ĐÓNG

❖ Sổ đỏ

Sổ đỏ 1.1 - Sổ đỏ kê toán chi tiêu theo phương pháp sổ song song

Sổ đỏ 1.2 - Sổ đỏ kê toán chi tiêu theo phương pháp sổ đỏ i chi u luân chuyển

Sổ đỏ 1.3 - Sổ đỏ kê toán chi tiêu theo phương pháp sổ sổ đỏ

Sổ đỏ 2.1 - Sổ đỏ tài chính bộ máy quản lý của Công ty

Sổ đỏ 2.2 - Bộ máy kê toán

Sổ đỏ 2.3 - Trình tự ghi sổ theo hình thức chế độ ghi sổ

Sổ đỏ 2.4 - Sổ đỏ kê toán theo phương pháp ghi sổ song song

MỤC LỤC

Trang

LỜI CẢM ƠN	i
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	ii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	iv
DANH MỤC SƠ ĐỒ	vi
MỤC LỤC	vii
PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I.1. Lý do chọn đề tài	1
I.2. Mục tiêu nghiên cứu	2
I.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
I.4. Phương pháp nghiên cứu	2
I.5. Kết cấu đề tài nghiên cứu	3
PHẦN II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	5
CHƯƠNG 1 – CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG.....	5
1.1. Khái niệm - đặc điểm - yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ	5
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, yêu cầu quản lý NVL	5
1.1.2. Khái niệm, đặc điểm, yêu cầu quản lý công cụ dụng cụ	6
1.1.3. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ	7
1.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu - Công cụ dụng cụ	7
1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ	7
1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ	8
1.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu - Công cụ dụng cụ	12
1.3.1. Chứng từ và sổ kế toán sổ đăng	12
1.3.2. Các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ	13
1.4. Kế toán tổng hợp nhập xuất nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ .	17

1.4.1. Theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	17
1.4.2. Theo phương pháp kê định kỳ.....	26
1.5. Một số trường hợp khác về nguyên, vật liệu - công cụ, dụng cụ	29
1.5.1. Kế toán đánh giá lại nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ	29
1.5.2. Kế toán cho thuê công cụ dụng cụ	29
1.5.3. Kế toán TSCĐ thành công cụ dụng cụ	30
1.5.4. Kế toán đồ phòng giữ giá nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho:	30
CHƯƠNG 2 – THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN	33
2.1. Khái quát tình hình của Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thiên Hương	33
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty.....	33
2.1.2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty	35
2.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của công ty	35
2.1.4. Tổ chức bộ máy quản lý công ty	35
2.1.5. Nguồn lực của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thiên Hương	38
2.1.6. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thiên Hương	49
2.2 Tình hình thực tế về hạch toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong công ty	53
2.2.1. Khái quát chung về Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thiên Hương	53
2.2.2. Kế toán chi tiết Nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thiên Hương.....	56
2.2.3. Kế toán công cụ dụng cụ	77
2.2.4. Kê khai vật tư tồn kho.....	88
CHƯƠNG 3 - MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ	89
3.1. Nhận xét chung	90
3.2. Ưu điểm.....	91
3.3. Nhược điểm.....	91
3.4. Một số biện pháp nhằm góp phần hoàn thiện công tác kế toán...	92
3.4.1. Về tổ chức công tác Kế toán	93
3.4.2. Về phương pháp kế toán.....	93

3.4.3. Quản lý chi phí NVL, CCDC có hiệu quả	93
PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	95
III.1. Kết luận	95
III.2. Hạn chế của đề tài	95
III.3. Kiến nghị.....	96
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	97

Tr

Tailieu.vn
Tài liệu Kinh tế

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

I.1. Lý do chọn đề tài

Sự chuyển đổi từ các chủ quản lý cũ sang các chủ thể quản lý mới là một thách thức đối với các nhà quản lý cũ và các nhà Doanh nghiệp nói chung và cho các nhà Xây dựng nói riêng. Để thích nghi với môi trường kinh doanh mới, đòi hỏi các nhà Doanh nghiệp phải tự khẳng định mình bằng uy tín và chất lượng sản phẩm của mình. Chúng ta đều biết rằng một sản phẩm tốt chất lượng tốt là một thành tố Nguyên vật liệu, nó là yếu tố cần thiết đầu tiên không thể thiếu được trong bất kỳ quá trình sản xuất nào.

Trong ngành Xây dựng, chi phí Nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong giá thành sản phẩm, là chỉ tiêu quan trọng của tài sản lưu động trong bảng cân đối kế toán. Chính vì hoạt động trong môi trường cạnh tranh buộc các Doanh nghiệp phải hạ thấp giá thành nhằm vận động theo uy tín của Doanh nghiệp đem lại lợi ích nhu cầu cho khách hàng quá trình sản xuất mà ngược lại thì mới có thể tồn tại trong thị trường. Vì vậy đây là phải biết được chính xác chi phí vật tư trong giá thành sản phẩm là bao nhiêu để có biện pháp giảm chi phí này cho phù hợp, đồng thời có kế hoạch cho việc cung cấp vật tư kịp thời chính xác tránh được các trường hợp dồn ứ gián đoạn sản xuất hoặc do thiếu hụt dẫn đến đình trệ. Do đó quá trình hạch toán Nguyên vật liệu là khâu không thể thiếu trong các Doanh nghiệp sản xuất.

Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng I Thà Thiên Huế là một đơn vị hoạt động kinh doanh chủ yếu xây dựng các công trình giao thông, quản lý duy tu bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống cầu đường bộ, tự vận hành khai thác thi công các công trình giao thông. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh như vậy nên NVL là một phần không thể thiếu. Việc quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả NVL là vấn đề mà Công ty rất quan tâm. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên nên trong thời gian gần đây tập thể Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng I Thà Thiên Huế đã tiến hành nghiên cứu đề tài **“Kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng I Thà Thiên Huế”**. Qua đó, nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán nói chung và kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nói riêng.

I.2. Mục tiêu nghiên cứu

- Tìm hiểu các sở lý luận chung và kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp xây dựng
- Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại CTCP Đầu tư và Thương mại Thiên Huế
- Mô tả giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu tại CTCP Đầu tư và Thương mại Thiên Huế

I.3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: quy trình nhập, xuất NVL, CCDC tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thiên Huế.
- Phạm vi nghiên cứu:
 - + Phạm vi không gian: Đối tượng nghiên cứu thực tế tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thiên Huế, số 19 Nguyễn Huệ, Thành Phố Huế.
 - + Phạm vi thời gian: Đối tượng nghiên cứu nguồn liệu của công ty qua 3 năm từ năm 2016 đến năm 2018; công tác kế toán NVL, CCDC năm 2019.

I.4. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được những mục tiêu đã đề ra và đạt hiệu quả cao nhất, đề tài đã kết hợp sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau:

- Phương pháp nghiên cứu, tham khảo tài liệu: tham khảo, tìm hiểu các giáo trình, văn bản ban hành, Thông tin, Nghị định, bài viết trên Internet, Luận văn trên thư viện trường, ... liên quan đến đề tài để có sở liệu hợp và hệ thống hóa phần cơ sở lý luận và Nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.
- Phương pháp thu thập tài liệu, số liệu nghiên cứu: Khi đi vào nghiên cứu và tìm hiểu thực tế, sẽ có rất nhiều thông tin, nhưng thông tin này có thể sai lệch hoặc mâu thuẫn với nhau, vì vậy cần phải thu thập và lựa chọn thông tin một cách khoa

học, có chọn lọc, đảm bảo mức tiêu nghiên cứu. Một số cách thu thập số liệu sẽ được trình bày trong bài như sau:

- + Sao chép lại các tài liệu cần thiết cho đề tài thông qua chụp ảnh, photo tài liệu, ghi chép tay các chứng từ, sổ sách kế toán của công ty. Một số tài liệu đã thu thập được bằng phương pháp này là hình chụp hóa đơn, tài liệu BCTC, sổ Cái và sổ chi tiết các tài khoản liên quan,...
- + Phương văn: đây là phương pháp được sử dụng nhiều nhất trong quá trình tham gia thực tập tại công ty. Phương văn các anh, chị Phòng kế toán để hiểu được tình hình hoạt động của công ty, tìm hiểu về nội dung, phương pháp và quy trình hạch toán kế toán Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong công ty.
- Phương pháp hạch toán và đối chiếu số liệu thông tin sổ sách: nhằm xem xét quy trình và phương pháp hạch toán của kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty đã tuân thủ đúng với quy định hay chưa, bằng cách tìm hiểu chứng từ thu thập được tiến hành nhập công vào các sổ kế toán vật tư như kiểm tra chứng từ, tính toán, định khoản,... và từ đó đối chiếu với số liệu, các sổ sách kế toán liên quan xem đã khớp chưa, nếu sai thì phải tìm hiểu được nguyên nhân để chỉnh sửa và cải thiện.
- Phương pháp tổng hợp và phân tích số liệu: Tổng hợp số liệu thu thập ban đầu, tiến hành tổng hợp một cách có hệ thống, chọn lọc để đưa vào báo cáo một cách chính xác, khoa học, đối chiếu so sánh giữa lý thuyết và thực tế. Từ đó, có những nhận xét, đánh giá, phân tích để đưa ra được những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán NVL, CCDC tại công ty.

I.5. Kết cấu đề tài nghiên cứu

Nội dung đề tài gồm có 3 phần:

Phần I. Phần mở đầu

Phần II. Nội dung và kết quả nghiên cứu, gồm 3 chương

Chương 1: Cơ sở lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trong CTCP đang bán I Thà Thiên Hu.

Chương 3: Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác kế toán CTCP đang bán I Thà Thiên Hu.

Phần III. Kết luận

Trình bày Kinh tế Hu

PHẦN II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1 – CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG

VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIU, CÔNG CỤ ĐĂNG CẬP

1.1. Khái niệm - định nghĩa - yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ

1.1.1. Khái niệm, định nghĩa, yêu cầu quản lý NVL

1.1.1.1. Khái niệm

Theo giáo trình Kế toán tài chính 1 của Phan Đình Ngân Nhà xuất bản Đại học Huân: “NVL của doanh nghiệp là những tài sản lao động mua ngoài hoặc tự chế biến dùng cho mục đích sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp”.

1.1.1.2. Định nghĩa

Nguyên vật liệu là khi tham gia vào từng chu kỳ sản xuất và chuyển hóa thành sản phẩm, do đó giá trị của nó là mất trong những yếu tố hình thành nên giá thành sản phẩm.

- Về mặt giá trị: giá trị của nguyên vật liệu khi đưa vào sản xuất thường có xu hướng tăng lên khi nguyên vật liệu đó cấu thành nên sản phẩm.

- Về hình thái: Khi đưa vào quá trình sản xuất thì nguyên vật liệu thay đổi về hình thái và số thay đổi này hoàn toàn phụ thuộc vào hình thái vật chất mà sản phẩm do nguyên vật liệu tạo ra.

- Giá trị sử dụng: Khi sử dụng nguyên vật liệu dùng để sản xuất thì nguyên vật liệu đó sẽ tạo thêm những giá trị sử dụng khác.

1.1.1.3. Yêu cầu quản lý

- Tập trung quản lý chặt chẽ, có hiệu quả vật liệu trong quá trình thu mua để tránh bỏ quản và sử dụng.

- Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tổ chức hạch toán nguyên vật liệu chủ chốt và khoa học là công cụ quản lý tình hình thu mua nhập, xuất, bảo quản sản phẩm vật liệu.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, kiểm kê định kỳ nhằm ngăn chặn các hiện tượng tiêu cực.

1.1.2. Khái niệm, đặc điểm, yêu cầu quản lý công cụ dụng cụ

1.1.2.1. Khái niệm

Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC: Hội đồng chuyên đề kế toán doanh nghiệp ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính: “Công cụ, dụng cụ là những tài sản lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với TSCĐ.”

1.1.2.2. Đặc điểm

- Giá trị: Trong quá trình tham gia sản xuất giá trị công cụ dụng cụ dần dần chuyển dần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

- Hình thái: Tham gia nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu.

- Giá trị sử dụng: Đối với công cụ dụng cụ thì giá trị sử dụng từng bước nghịch với thời gian sử dụng.

- Theo quy định hiện hành, những tài sản lao động sau đây nếu không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ thì được ghi nhận là công cụ, dụng cụ:

- + Các đà giáo, ván khuôn, công cụ, dụng cụ gá lắp chuyên dùng cho sản xuất xây lắp;
- + Các loại bao bì bán kèm theo hàng hóa có tính riêng, nhưng trong quá trình bảo quản hàng hóa vẫn chuyển trên đường và được trữ trong kho có tính giá trị hao mòn được trừ đến giá trị của bao bì;
- + Những dụng cụ, đồ nghề bán lẻ thu nhập, sành, sứ;

- + Phòng tín dụng, phòng văn phòng;
- + Quần áo, giày dép chuyên dùng để làm việc,...

1.1.3. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ

- Trên cơ sở những chứng từ có liên quan kế toán tiến hành ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời, số lượng, chất lượng và giá trị thực tế của từng loại tài sản nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ nhập, xuất, tồn tiến hành vào các sổ chi tiết và bảng tổng hợp.

- Việc đúng đắn các phương pháp hạch toán vật liệu, công cụ dụng cụ. Hàng năm kiểm tra các bộ phận, đơn vị thực hiện đầy đủ chế độ ghi chép ban đầu về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ.

- Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch thu mua, tình hình dự trữ và tiêu hao vật liệu, công cụ dụng cụ. Phát hiện và xử lý kịp thời vật liệu, công cụ dụng cụ thừa, thiếu, hỏng, kém phẩm chất, ngăn ngừa việc sử dụng lãng phí.

- Tham gia kiểm kê đánh giá lại vật liệu, công cụ dụng cụ theo chế độ quy định của nhà nước, lập báo cáo kế toán về vật liệu, công cụ dụng cụ phục vụ cho công tác lãnh đạo và quản lý, điều hành phân tích kinh tế.

1.2. Phân loại và đánh giá nguyên vật liệu - Công cụ dụng cụ

1.2.1. Phân loại nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ

1.2.1.1. Phân loại nguyên vật liệu

Theo thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014, NVL được phân loại như sau:

+ Nguyên liệu, vật liệu chính: Là những loại nguyên liệu và vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất thì cấu thành thành thực thể vật chất, thực thể chính của sản phẩm. Vì vậy khái niệm nguyên liệu, vật liệu chính gắn liền với từng doanh nghiệp sản xuất cụ thể. Trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ ... không đặt ra khái niệm vật liệu chính, vật liệu phụ. Nguyên liệu, vật liệu chính cũng bao gồm cả nguyên vật liệu mua ngoài và nội đích tiếp tục quá trình sản xuất, chế tạo ra thành phẩm.

+ **Vật liệu phụ:** Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thành phẩm chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm để có thể hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói; phục vụ cho quá trình lao động.

+ **Nhiên liệu:** Là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể rắn và thể khí.

+ **Vật thế thay thế:** Là những vật thế dùng để thay thế, sửa chữa máy móc thiết bị, phụ tùng tiêu vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất...

+ **Vật liệu và thiết bị xây dựng công trình:** Là những loại vật liệu và thiết bị để xây dựng cho công việc xây dựng công trình. Đối với thiết bị xây dựng công trình bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng công trình.

1.2.1.2. Phân loại công cụ dụng cụ

- Công cụ dụng cụ lao động: dụng cụ gõ lắp, dụng cụ đục, dụng cụ quản lý, dụng cụ áo bảo vệ lao động, khuôn mẫu, lán trải.
- Bao bì luân chuyển.
- Đồ nghề cho thuê
- Thiết bị phụ tùng thay thế

1.2.2. Đánh giá nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ

1.2.2.1. Đánh giá nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ nhập kho

Nguyên, vật liệu là một trong những yếu tố cấu thành nên hàng tồn kho, do đó kế toán nguyên, vật liệu phải tuân thủ theo chuẩn mực kế toán hàng tồn kho. Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trừ đi những giảm giá trị thu được có thể được thể hiện trên hợp giá trị gốc thì phải tính theo giá trị thu được có thể thể hiện được. Giá trị thu được có thể thể

hiện được là giá bán được tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ đi chi phí được tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí được tính cần thiết cho việc tiêu thụ đúng. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở thời điểm và trạng thái hiện tại. Để có thể theo dõi số biến động của nguyên, vật liệu và từng hợp các chỉ tiêu kinh tế có liên quan đến nguyên, vật liệu, doanh nghiệp cần thiết hiện việc tính giá nguyên, vật liệu. Tính giá nguyên vật liệu là phương pháp kế toán dùng thước đo từ nguyên, vật liệu hiện trên giá của nguyên, vật liệu nhập - xuất và tồn kho trong kỳ.

Nguyên, vật liệu của doanh nghiệp có thể được tính giá theo giá thực tế hoặc giá hạch toán. Giá thực tế của nguyên, vật liệu nhập kho được xác định tùy theo từng nguồn nhập, từng lần nhập cụ thể sau:

- Nguyên vật liệu mua ngoài:

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{của NL, VL} \\ \text{ngoại nhập} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua trên hóa} \\ \text{đơn (Cộng thuế NK} \\ \text{nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu mua} \\ \text{(kể cả hao mòn} \\ \text{trong định mức)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ phát sinh khi} \\ \text{mua NVL} \end{array}$$

- + Trị từng hợp doanh nghiệp mua nguyên vật liệu dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế (GTGT) theo phương pháp trực tiếp hoặc không chịu thuế thì trị từng hợp chịu thuế GTGT, hoặc dùng cho hoạt động sản nghiệp, phúc lợi dân án thì giá trị nguyên vật liệu mua vào được phản ánh theo từng giá trị thanh toán bao gồm cộng thuế GTGT đều vào không được khấu trừ (nếu có).
- + Trị từng hợp doanh nghiệp mua nguyên vật liệu dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo phương pháp khấu trừ thì giá trị của NVL mua vào được phản ánh theo giá mua chưa có thuế. Thuế GTGT đều vào khi mua nguyên vật liệu và thuế GTGT đều vào của dịch vụ vận chuyển, bốc xếp, bốc quặng... được khấu trừ và hạch toán vào tài khoản 133.
- + Đối với nguyên vật liệu mua ngoài bằng ngoại tệ thì phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch.